

**THÔNG TIN & THỂ LỆ
GIẢI THƯỞNG "TÀI NĂNG KHOA HỌC TRẺ VIỆT NAM"
DÀNH CHO SINH VIÊN**

**PHẦN I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Mục đích

Giải thưởng “Tài năng khoa học trẻ Việt Nam” dành cho sinh viên (sau đây gọi tắt là Giải thưởng) được tổ chức hàng năm nhằm biểu dương thành tích xuất sắc của sinh viên trong nghiên cứu khoa học, góp phần phát hiện và bồi dưỡng tài năng trẻ, nâng cao chất lượng đào tạo trong nhà trường.

Điều 2. Đối tượng tham gia

Đối tượng tham gia Giải thưởng là sinh viên (quốc tịch Việt Nam hoặc nước ngoài) đang theo học tại các trường đại học, cao đẳng, khoa trực thuộc (sau đây gọi chung là đơn vị) Đại học Thái Nguyên tính đến thời điểm nộp hồ sơ của năm tổ chức Giải thưởng.

Điều 3. Lĩnh vực khoa học và công nghệ của Giải thưởng

Giải thưởng được xét và trao cho các đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên thuộc 12 nhóm ngành sau:

1. Khoa học Kỹ thuật và Công nghệ 1 (KT1)

a) *Kỹ thuật điện, kỹ thuật điện tử*: Kỹ thuật điện và điện tử; người máy và điều khiển tự động; tự động hóa (CAD/CAM,...); cơ điện tử, hệ vi cơ điện tử (MEMS),...; kỹ thuật điện, kỹ thuật điện tử khác.

b) *Kỹ thuật cơ khí, chế tạo máy*: Kỹ thuật cơ khí, chế tạo máy nói chung; chế tạo máy công cụ; chế tạo máy động lực; kỹ thuật cơ khí và chế tạo ô tô và các phương tiện giao thông, máy nông nghiệp, máy thủy lợi, máy xây dựng, thiết bị năng lượng, thiết bị khai khoáng; kỹ thuật và công nghệ hàng không, vũ trụ; kỹ thuật và công nghệ liên quan đến hạt nhân; kỹ thuật và công nghệ âm thanh; kỹ thuật cơ khí tàu thủy; kỹ thuật cơ khí và chế tạo máy khác.

c) *Kỹ thuật vật liệu và luyện kim*: Kỹ thuật nhiệt trong luyện kim, kỹ thuật và công nghệ sản xuất kim loại và hợp kim đen, kim loại và hợp kim màu; luyện kim bột; cán kim loại, kéo kim loại, sản xuất sản phẩm kim loại, sản xuất ống kim loại,...; luyện các chất bán dẫn; vật liệu xây dựng; vật liệu điện tử; vật liệu kim loại; gốm; màng mỏng, vật liệu sơn, vật liệu phủ; vật liệu composite; gỗ, giấy, bột giấy; vải, gồm cả sợi, màu và thuốc nhuộm tổng hợp; vật liệu tiên tiến; kỹ thuật vật liệu và luyện kim khác.

2. Khoa học Kỹ thuật và Công nghệ 2 (KT2)

Kỹ thuật dân dụng: Kỹ thuật kiến trúc, kỹ thuật xây dựng, kỹ thuật kết cấu và đô thị, kỹ thuật giao thông vận tải, kỹ thuật thủy lợi, kỹ thuật địa chất công trình, kỹ thuật dân dụng khác.

3. Khoa học Kỹ thuật và Công nghệ 3 (KT3)

- a) Truyền thông và mạng máy tính, kỹ thuật phần mềm, hệ thống thông tin.
- b) Các hệ thống điều khiển, giám sát, công nghệ điều khiển số bằng máy tính (CNC),...
- c) Công nghệ thông tin và viễn thông; an toàn và an ninh thông tin.
- d) Phần cứng và kiến trúc máy tính.
- đ) Kỹ thuật thông tin khác.

4. Khoa học Kỹ thuật và Công nghệ 4 (KT4)

a) *Kỹ thuật hóa học:* Sản xuất hóa học công nghệ nói chung, kỹ thuật quá trình hóa học nói chung, kỹ thuật hóa dược, kỹ thuật hóa vô cơ, kỹ thuật hóa hữu cơ, kỹ thuật hóa dầu, kỹ thuật hóa học khác.

b) *Kỹ thuật y học:* Kỹ thuật và thiết bị y học, kỹ thuật phân tích mẫu bệnh phẩm, kỹ thuật phân tích mẫu thuốc.

c) *Kỹ thuật môi trường:* Kỹ thuật môi trường và địa chất, địa kỹ thuật; kỹ thuật dầu khí; kỹ thuật năng lượng và nhiên liệu không phải dầu khí; viễn thám; khai thác mỏ và xử lý khoáng chất; kỹ thuật hàng hải, đóng tàu biển; kỹ thuật đại dương; kỹ thuật bờ biển; kỹ thuật môi trường khác.

d) *Công nghệ sinh học môi trường:* Công nghệ sinh học môi trường nói chung; xử lý môi trường bằng phương pháp sinh học, các công nghệ sinh học chẩn đoán (chip ADN và thiết bị cảm biến sinh học); đạo đức học trong công nghệ sinh học môi trường; công nghệ sinh học môi trường khác.

đ) *Công nghệ sinh học công nghiệp:* Các công nghệ xử lý sinh học, xúc tác sinh học, lên men; các công nghệ sản phẩm sinh học, vật liệu sinh học, chất dẻo sinh học, nhiên liệu sinh học, các hóa chất được chiết tách từ sinh học, các vật liệu mới có nguồn gốc sinh học; Công nghệ sinh học công nghiệp khác.

e) *Công nghệ nano:* Các vật liệu nano; các quy trình nano; công nghệ nano khác.

g) *Kỹ thuật thực phẩm và đồ uống:* Kỹ thuật thực phẩm; kỹ thuật đồ uống; kỹ thuật thực phẩm và đồ uống khác.

h) *Kỹ thuật và công nghệ khác.*

5. **Kinh tế và Kinh doanh 1 (KD1):** Kinh tế tài chính; kinh tế ngân hàng; kinh tế bảo hiểm; kế toán; kiểm toán.

6. Kinh tế và Kinh doanh 2 (KD2): Kinh tế học; kinh doanh và quản lý; kinh tế ngành; kinh tế chính trị; luật kinh tế và kinh tế khác.

7. Khoa học Xã hội (XH)

a) *Tâm lý học:* Tâm lý học nói chung; tâm lý học chuyên ngành (các vấn đề về tâm lý giáo dục xếp vào nhóm ngành GD); tâm lý học khác.

b) *Xã hội học:* Xã hội học nói chung; nhân khẩu học; nhân chủng học; dân tộc học; xã hội học chuyên đề, khoa học về giới và phụ nữ, các vấn đề xã hội nghiên cứu gia đình và xã hội, công tác xã hội; xã hội học khác.

c) *Pháp luật:* Luật học, tội phạm học, hình phạt học, các vấn đề pháp luật khác.

d) *Khoa học chính trị:* Chính trị học; hành chính công và quản lý hành chính; lý thuyết tổ chức, hệ thống chính trị, lý luận chính trị; khoa học chính trị khác.

đ) *Địa lý kinh tế và xã hội:* Khoa học môi trường - các khía cạnh xã hội; địa lý kinh tế và văn hóa; nghiên cứu quy hoạch, phát triển đô thị; quy hoạch giao thông và các khía cạnh xã hội của giao thông vận tải; địa lý kinh tế và xã hội khác.

e) *Thông tin đại chúng và truyền thông:* Báo chí; thông tin học (khoa học thông tin - các khía cạnh xã hội); khoa học thư viện; thông tin đại chúng và truyền thông văn hóa - xã hội; thông tin đại chúng và truyền thông khác.

g) *Khoa học xã hội khác.*

8. Khoa học Nhân văn (NV)

a) *Lịch sử và khảo cổ học:* Lịch sử Việt Nam; lịch sử thế giới, lịch sử từng nước, từng vùng, từng khu vực; khảo cổ học và tiền sử; các vấn đề lịch sử và khảo cổ học khác.

b) *Ngôn ngữ và văn học:* Nghiên cứu chung về ngôn ngữ; nghiên cứu ngôn ngữ Việt Nam và ngôn ngữ khác; lý luận văn học, nghiên cứu văn học nói chung; nghiên cứu văn học Việt Nam; nghiên cứu văn học từng dân tộc, từng nước, khu vực khác; lý luận văn hóa, nghiên cứu văn hóa nói chung; nghiên cứu văn hóa Việt Nam; nghiên cứu văn hóa từng dân tộc, từng nước, khu vực khác; ngôn ngữ học ứng dụng; nghiên cứu ngôn ngữ và văn hóa khác.

c) *Triết học, đạo đức học và tôn giáo:* Triết học; lịch sử triết học; đạo đức học; thần học; nghiên cứu tôn giáo; các vấn đề của triết học và tôn giáo khác.

d) *Nghệ thuật:* Nghệ thuật và lịch sử nghệ thuật; mỹ thuật; nghệ thuật kiến trúc; nghệ thuật trình diễn; nghệ thuật dân gian; nghệ thuật điện ảnh; nghệ thuật truyền thanh - truyền hình; các vấn đề nghiên cứu nghệ thuật khác.

đ) *Khoa học nhân văn khác.*

9. Khoa học Giáo dục (GD): Giáo dục học; quản lý giáo dục; phương pháp giảng dạy các môn học; nội dung và chương trình các môn học; thiết bị dạy học; tâm lý giáo dục; giáo dục chuyên biệt; các vấn đề khoa học giáo dục khác.

10. Khoa học Tự nhiên (TN)

a) *Toán học và thống kê*: Toán học cơ bản; toán học ứng dụng; thống kê.

b) *Khoa học máy tính và thông tin*: Khoa học máy tính; khoa học thông tin; sinh tin học; khoa học máy tính và khoa học thông tin khác (các vấn đề phát triển phần cứng xếp vào nhóm ngành KT3; các khía cạnh xã hội của khoa học tính toán và thông tin xếp vào nhóm ngành XH).

c) *Vật lý*: Vật lý nguyên tử, vật lý phân tử và vật lý hóa học; vật lý các chất cô đặc; vật lý hạt và trường; vật lý hạt nhân; vật lý plasma và chất lỏng; quang học; âm học; thiên văn học; khoa học vũ trụ; khoa học vật lý khác.

d) *Hóa học*: Hóa hữu cơ; hóa vô cơ và hạt nhân; hóa lý; hóa học cao phân tử (polyme); điện hóa; hóa keo; hóa phân tích; khoa học hóa học khác.

đ) *Sinh học*: Sinh học lý thuyết; tế bào học, mô - phôi học; vi sinh vật học; vi rút học; hóa sinh, phương pháp nghiên cứu hóa sinh; sinh học phân tử; nấm học; lý sinh; di truyền học; sinh học sinh sản; thực vật học; động vật học; sinh học biển và nước ngọt; sinh thái học; đa dạng sinh học; công nghệ sinh học; khoa học sinh học khác.

e) *Các khoa học trái đất và môi trường liên quan*: Địa chất học; khoáng vật học; cổ sinh học; địa vật lý; địa hóa học; địa lý tự nhiên; núi lửa học; trắc địa học và bản đồ học; các khoa học môi trường (các khía cạnh xã hội của khoa học môi trường xếp vào nhóm ngành XH); khí tượng học và các khoa học khí quyển; khí hậu học; hải dương học; thủy văn, tài nguyên nước; khoa học trái đất và khoa học môi trường liên quan khác.

g) *Khoa học tự nhiên khác*.

11. Khoa học Nông nghiệp (NN):

a) *Trồng trọt*: Nông hóa; thổ nhưỡng học; cây lương thực và cây thực phẩm; cây rau, cây hoa và cây ăn quả; cây công nghiệp và cây thuốc; bảo vệ thực vật; bảo quản và chế biến nông sản; khoa học công nghệ trồng trọt khác.

b) *Chăn nuôi*: Sinh lý và hóa sinh động vật nuôi; di truyền và nhân giống động vật nuôi; thức ăn và dinh dưỡng cho động vật nuôi; nuôi dưỡng động vật nuôi; bảo vệ động vật nuôi; sinh trưởng và phát triển của động vật nuôi; khoa học công nghệ chăn nuôi khác.

c) *Thú y*: Y học thú y; gây mê và điều trị tích cực thú y; dịch tễ học thú y; miễn dịch học thú y; giải phẫu học và sinh lý học thú y; bệnh học thú y; vi sinh vật học thú y, ký sinh trùng học thú y; sinh học phóng xạ và chụp ảnh; vi rút học thú y; phẫu thuật thú y, dược học thú y; khoa học công nghệ thú y khác.

d) *Lâm nghiệp*: Lâm sinh; tài nguyên rừng; quản lý và bảo vệ rừng; sinh thái và môi trường rừng; giống cây rừng; nông lâm kết hợp; bảo quản và chế biến lâm sản; khoa học công nghệ lâm nghiệp khác.

đ) *Thủy sản*: Sinh lý và dinh dưỡng thủy sản; di truyền học và nhân giống thủy sản; bệnh học thủy sản; nuôi trồng thủy sản; hệ sinh thái và đánh giá nguồn lợi thủy

sản; quản lý và khai thác thủy sản; bảo quản và chế biến thủy sản; khoa học công nghệ thủy sản khác.

e) *Công nghệ sinh học trong nông nghiệp*: Công nghệ gen (cây trồng và động vật nuôi), nhân dòng vật nuôi; các công nghệ tế bào trong nông nghiệp; các công nghệ enzym và protein trong nông nghiệp; đạo đức học trong công nghệ sinh học nông nghiệp; công nghệ sinh học trong nông nghiệp khác.

g) *Khoa học nông nghiệp khác*.

12. Khoa học Y, Dược (YD): Y học cơ sở; y học lâm sàng; y tế; kỹ thuật chẩn đoán bệnh; dược học; công nghệ sinh học trong y học; y học thể dục thể thao; khoa học y dược khác.

Điều 4. Yêu cầu đối với đề tài tham gia xét Giải thưởng

Đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên tham gia xét Giải thưởng phải đáp ứng các yêu cầu sau:

1. Có giá trị khoa học và thực tiễn, ưu tiên các đề tài đã được áp dụng vào thực tế sản xuất và đời sống mang lại hiệu quả cao, đề tài có các công bố khoa học trên các tạp chí chuyên ngành trong và ngoài nước.

2. Chưa được trao bất kỳ một giải thưởng nào khác tại thời điểm nộp hồ sơ. Luận văn và đồ án tốt nghiệp của sinh viên không được gửi tham gia xét Giải thưởng.

3. Được hội đồng đánh giá đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên cấp trường xếp loại xuất sắc.

Điều 5. Số lượng đề tài gửi tham gia xét Giải thưởng

Hàng năm, Đại học Thái Nguyên sẽ căn cứ số lượng sinh viên đại học hệ chính quy và thành tích nghiên cứu khoa học sinh viên năm trước đó của đơn vị để quyết định số lượng đề tài gửi tham gia xét Giải thưởng.

PHẦN II

QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ VÀ XÉT TẶNG GIẢI THƯỞNG

Điều 6. Đánh giá và xét giải ở đơn vị

1. Đơn tổ chức đánh giá và xét giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học cấp trường theo quy định tại Thông tư số 19/2012/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên trong các cơ sở giáo dục đại học.

2. Đơn vị lựa chọn các đề tài gửi tham gia xét Giải thưởng “Tài năng khoa học trẻ Việt Nam” trong số các đề tài đạt giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học cấp trường, theo số lượng được quy định tại Điều 5 của Quy định này.

Điều 7. Hồ sơ tham gia xét Giải thưởng

Hồ sơ tham gia xét Giải thưởng bao gồm:

1. Báo cáo tổng kết đề tài (Phụ lục) kèm theo các tài liệu khoa học liên quan (nếu có): 03 bản/01 đề tài.

Đối với các đề tài được lựa chọn tham dự Giải thưởng của Bộ Giáo dục và Đào tạo, sau khi chỉnh sửa các nội dung theo yêu cầu của Hội đồng sẽ nộp bổ sung 10 bản báo cáo tổng kết/01 đề tài.

2. Báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu đề tài (Phụ lục): 15 bản/ 01 đề tài

3. Công văn của trường đại học gửi tham gia xét Giải thưởng “Tài năng khoa học trẻ Việt Nam” dành cho sinh viên (Mẫu 6 - Phụ lục) kèm theo các minh chứng về công bố khoa học từ kết quả nghiên cứu của đề tài hoặc nhận xét, đánh giá của cơ sở đã áp dụng các kết quả nghiên cứu (nếu có).

4. Thông tin kết quả nghiên cứu của đề tài (Mẫu 3 - Phụ lục).

5. Thông tin về sinh viên chịu trách nhiệm chính thực hiện đề tài (Mẫu 4 - Phụ lục).

6. Đơn xin tham gia xét Giải thưởng “Tài năng khoa học trẻ Việt Nam” (Mẫu 5 - Phụ lục).

7. Đĩa CD lưu giữ nội dung báo cáo tổng kết đề tài và thông tin về sinh viên thực hiện đề tài.

Điều 8. Tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ tham gia xét Giải thưởng

1. Ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Đại học Thái Nguyên có trách nhiệm hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ tham gia xét Giải thưởng và kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ.

2. Hồ sơ tham gia xét Giải thưởng là hợp lệ nếu đáp ứng bốn điều kiện sau:

a) Có đầy đủ các mục trong hồ sơ tham gia xét Giải thưởng theo quy định tại Điều 7 của Quy định này.

b) Không ghi tên sinh viên thực hiện, tên người hướng dẫn, tên trường đại học trong báo cáo tổng kết đề tài và các tài liệu khoa học liên quan (nếu có). Trong trường hợp đặc biệt, tên trường đại học là một phần trong tên đề tài và nội dung nghiên cứu, hồ sơ được coi là hợp lệ.

c) Gửi đúng thời hạn quy định và gửi bản điện tử công văn của đơn vị (Mẫu 6 - Phụ lục) vào hộp thư của Ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Đại học Thái Nguyên.

d) Đảm bảo các yêu cầu đối với đề tài tham gia xét Giải thưởng theo quy định tại Điều 4 của Quy định này.

Điều 9. Thời hạn nhận, đánh giá đề tài

1. Thời hạn nhận đề tài: **trước ngày 25 tháng 5 hàng năm.**

2. Thời gian đánh giá đề tài và xét giải: Tháng 6 hàng năm.

Điều 10. Đánh giá và xét giải ở Đại học Thái Nguyên

1. Đề tài tham gia xét Giải thưởng được đánh giá và xét giải ở Đại học Thái Nguyên như sau:

a) Đại học Thái Nguyên thành lập các hội đồng đánh giá đề tài. Mỗi đề tài có hai chuyên gia nhận xét phản biện.

b) Đề tài có điểm đánh giá của hội đồng từ 90 điểm trở lên sẽ được lựa chọn gửi tham dự Giải thưởng của Bộ Giáo dục & Đào tạo, các đề tài từ 70-89 điểm được xét giải thưởng của Đại học Thái Nguyên.

c) Trường hợp phát hiện hồ sơ không hợp lệ, hội đồng đề nghị không xét giải.

2. Nội dung đánh giá đề tài

a) Tổng quan tình hình nghiên cứu, lý do lựa chọn đề tài.

b) Mục tiêu đề tài.

c) Phương pháp nghiên cứu.

d) Nội dung khoa học.

đ) Đóng góp về mặt kinh tế - xã hội, giáo dục và đào tạo, an ninh, quốc phòng.

e) Hình thức trình bày báo cáo tổng kết đề tài.

g) Điểm thưởng (có công bố khoa học từ kết quả nghiên cứu của đề tài trên các tạp chí chuyên ngành trong và ngoài nước).

3. Xét giải

a) Hội đồng đánh giá đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên cho điểm xếp giải đề tài theo 5 mức: nhất, nhì, ba, khuyến khích và không đạt giải.

b) Các thành viên hội đồng đánh giá độc lập bằng cách cho điểm theo từng nội dung của phiếu đánh giá (mẫu 7 - Phụ lục). Căn cứ vào điểm trung bình cuối cùng của các thành viên hội đồng có mặt theo thang 100 điểm, đề tài được xem xét xếp giải nhất, giải nhì: từ 90 điểm trở lên; giải ba: từ 80 điểm đến dưới 90 điểm; giải khuyến khích: từ 70 điểm đến dưới 80 điểm; không đạt giải: dưới 70 điểm.

PHỤ LỤC

**BÁO CÁO TỔNG KẾT ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA SINH VIÊN VÀ
CÁC BIỂU MẪU XÉT GIẢI THƯỞNG "TÀI NĂNG KHOA HỌC TRẺ VIỆT NAM"
DÀNH CHO SINH VIÊN**

(Theo Quyết định số /QĐ-ĐHTN ngày 22 tháng 4 năm 2013)

I. Báo cáo tổng kết và báo cáo tóm tắt đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên

1. Báo cáo tổng kết và báo cáo tóm tắt đề tài là cơ sở để hội đồng đánh giá kết quả thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên. Báo cáo tổng kết phải phản ánh đầy đủ nội dung, kết quả thực hiện đề tài và phải được đóng thành quyển.

2. Hình thức của báo cáo tổng kết đề tài

2.1. Khổ giấy A4 (210 x 297 mm); đóng bìa mica.

2.2. Số trang tối đa là 80 trang (*không tính mục lục, tài liệu tham khảo và phụ lục*); phông chữ Times New Roman, cỡ chữ 13; paragraph 1,3 - 1,5 line; lề trái 3 cm; lề trên, lề dưới, lề phải 2 cm.

2.3. Số thứ tự của trang ở chính giữa trang, phía trên.

2.4. Tài liệu tham khảo và phụ lục (*nếu có*): tối đa là 50 trang; Tên các tác giả nước ngoài nêu trong báo cáo tổng kết phải viết theo đúng tiếng nước đó.

2.5. Không gạch dưới các từ, câu trong báo cáo tổng kết; không viết lời cảm ơn và không được ký tên.

2.6. Báo cáo tổng kết nếu được viết bằng tiếng nước ngoài thì yêu cầu phải có bản dịch ra Tiếng Việt.

3. Báo cáo tổng kết đề tài được trình bày theo trình tự sau:

3.1. Bìa báo cáo

a) Trang bìa chính (mẫu 1).

b) Trang bìa phụ (mẫu 2): không đóng gộp vào Báo cáo tổng kết đề tài.

3.2. Mục lục.

3.3. Danh mục bảng biểu.

3.4. Danh mục những từ viết tắt (xếp theo thứ tự bảng chữ cái).

3.5. Mở đầu: Tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực đề tài; lý do lựa chọn đề tài; mục tiêu đề tài; phương pháp nghiên cứu; đối tượng và phạm vi nghiên cứu.

3.6. Kết quả nghiên cứu và phân tích (bàn luận) kết quả: Trình bày thành các chương 1, 2, 3,...; nêu các kết quả nghiên cứu đạt được và đánh giá về các kết quả này.

3.7. Kết luận và kiến nghị:

a) Phần kết luận: Kết luận về các nội dung nghiên cứu đã thực hiện. Đánh giá những đóng góp mới của đề tài và khả năng ứng dụng của kết quả nghiên cứu.

b) Phần kiến nghị: Các đề xuất được rút ra từ kết quả nghiên cứu. Đề xuất về các nghiên cứu tiếp theo; các biện pháp cần thiết để có thể ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn đời sống và sản xuất; các kiến nghị về cơ chế, chính sách.

3.8. Tài liệu tham khảo: Tài liệu tham khảo là danh mục sách, báo, tài liệu các loại được sử dụng để tham khảo trong quá trình nghiên cứu. Cần sắp xếp các nguồn tài liệu và các sách xuất bản đã tham khảo để tiến hành đề tài, thông thường được trình bày theo thứ tự: họ và tên tác giả, nhan đề, các yếu tố về xuất bản. Các văn bản được xếp theo trình tự: văn bản pháp qui; sách, báo, tạp chí; bài viết của các tác giả...; trong mỗi loại được xếp theo thứ tự bảng chữ cái.

3.9. Phụ lục (nếu có) bao gồm các bảng biểu, sơ đồ, hình vẽ, bảng liệt kê các tư liệu... để minh họa cho báo cáo tổng kết đề tài.

4. Báo cáo tóm tắt

Tóm tắt công trình sử dụng font chữ Time New Roman, cỡ chữ 13 hoặc 14, paragraph 1,3 - 1,5 line; bản tóm tắt công trình không quá 10 trang, không đóng quyển và bao gồm các nội dung sau:

1. Tên công trình:
2. Mục tiêu:
3. Phương pháp nghiên cứu, phạm vi nghiên cứu:
4. Các nội dung nghiên cứu, kết quả và sản phẩm: Các kết quả nghiên cứu đạt được và đánh giá về các kết quả này, bao gồm tính chính xác và tin cậy của kết quả, ý nghĩa của các kết quả.
5. Kết luận: Kết luận về các nội dung nghiên cứu đã thực hiện và kiến nghị về các lĩnh vực nên áp dụng hay sử dụng kết quả nghiên cứu; những định hướng nghiên cứu trong tương lai.
6. Tài liệu tham khảo (tên tác giả được xếp theo thứ tự abc, tài liệu tiếng Việt trước, tiếng Anh sau).

II. Các biểu mẫu xét Giải thưởng “Tài năng khoa học trẻ Việt Nam” dành cho sinh viên

- | | |
|-------|--|
| Mẫu 1 | Trang bìa chính của báo cáo tổng kết đề tài |
| Mẫu 2 | Trang bìa phụ của báo cáo tổng kết đề tài |
| Mẫu 3 | Thông tin kết quả nghiên cứu của đề tài |
| Mẫu 4 | Thông tin về sinh viên chịu trách nhiệm chính thực hiện đề tài |
| Mẫu 5 | Đơn xin tham gia xét Giải thưởng “Tài năng khoa học trẻ Việt Nam” |
| Mẫu 6 | Công văn của trường đại học gửi tham gia xét Giải thưởng “Tài năng khoa học trẻ Việt Nam” dành cho sinh viên |
| Mẫu 7 | Phiếu đánh giá đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên |

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
<ĐƠN VỊ>**

BÁO CÁO TỔNG KẾT

**ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA SINH VIÊN
THAM GIA XÉT GIẢI THƯỞNG "TÀI NĂNG KHOA HỌC TRẺ VIỆT NAM"
NĂM... DÀNH CHO SINH VIÊN**

<TÊN ĐỀ TÀI>

Thuộc nhóm ngành khoa học (xác định chính xác nhóm ngành để xét giải):

Mẫu 2. Trang bìa phụ của báo cáo tổng kết đề tài

Ghi chú: Trang này để rời, không đóng gộp vào báo cáo tổng kết đề tài.

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
<ĐƠN VỊ>**

BÁO CÁO TỔNG KẾT

**ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA SINH VIÊN
THAM GIA XÉT GIẢI THƯỞNG "TÀI NĂNG KHOA HỌC TRẺ VIỆT NAM"
NĂM... DÀNH CHO SINH VIÊN**

<TÊN ĐỀ TÀI>

Thuộc nhóm ngành khoa học:

Sinh viên thực hiện: <họ và tên sinh viên>

Nam, Nữ:

Dân tộc:

Lớp, khoa:

Năm thứ: /Số năm đào tạo:

Ngành học:

(Ghi rõ họ và tên sinh viên chịu trách nhiệm chính thực hiện đề tài)

Người hướng dẫn: <Chức danh khoa học, học vị, họ tên của người hướng dẫn>

Mẫu 3. Thông tin kết quả nghiên cứu của đề tài

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
<ĐƠN VỊ>

THÔNG TIN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CỦA ĐỀ TÀI

1. Thông tin chung:

- Tên đề tài:

- Sinh viên thực hiện:

- Lớp: Khoa: Năm thứ: Số năm đào tạo:

- Người hướng dẫn:

2. Mục tiêu đề tài:

3. Tính mới và sáng tạo:

4. Kết quả nghiên cứu:

5. Đóng góp về mặt kinh tế - xã hội, giáo dục và đào tạo, an ninh, quốc phòng và khả năng áp dụng của đề tài:

6. Công bố khoa học của sinh viên từ kết quả nghiên cứu của đề tài (ghi rõ họ tên tác giả, nhan đề và các yếu tố về xuất bản nếu có) hoặc nhận xét, đánh giá của cơ sở đã áp dụng các kết quả nghiên cứu (nếu có):

Ngày tháng năm
Sinh viên chịu trách nhiệm chính
thực hiện đề tài
(ký, họ và tên)

Nhận xét của người hướng dẫn về những đóng góp khoa học của sinh viên thực hiện đề tài (phần này do người hướng dẫn ghi):

Xác nhận của đơn vị
(ký tên và đóng dấu)

Ngày tháng năm
Người hướng dẫn
(ký, họ và tên)

Mẫu 5. Đơn xin tham gia xét Giải thưởng “Tài năng khoa học trẻ Việt Nam”

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
<ĐƠN VỊ>

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

**Kính gửi: Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường,
Bộ Giáo dục và Đào tạo**

Tên tôi (chúng tôi) là: Sinh ngày tháng năm

Sinh viên năm thứ:/Tổng số năm đào tạo:

Lớp, khoa :

Ngành học:

(Ghi rõ họ tên sinh viên chịu trách nhiệm chính nếu đề tài do hai sinh viên trở lên thực hiện, ghi đầu tiên và in đậm)

Thông tin cá nhân của sinh viên chịu trách nhiệm chính:

Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại (cố định, di động):

Địa chỉ email:

Tôi (chúng tôi) làm đơn này kính đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo cho tôi (chúng tôi) được gửi đề tài nghiên cứu khoa học để tham gia xét Giải thưởng “Tài năng khoa học trẻ Việt Nam” năm dành cho sinh viên.

Tên đề tài:

Tôi (chúng tôi) xin cam đoan đây là đề tài do tôi (chúng tôi) thực hiện dưới sự hướng dẫn của; đề tài này chưa được trao bất kỳ một giải thưởng nào khác tại thời điểm nộp hồ sơ và không phải là luận văn, đồ án tốt nghiệp.

Nếu sai, tôi (chúng tôi) xin chịu trách nhiệm trước Nhà trường, Đại học Thái Nguyên và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Xác nhận của đơn vị
(ký tên và đóng dấu)

Người làm đơn
(Sinh viên chịu trách nhiệm chính thực hiện đề tài ký và ghi rõ họ tên)

**Mẫu 6. Công văn của đơn vị gửi tham gia xét
Giải thưởng “Tài năng khoa học trẻ Việt Nam” dành cho sinh viên**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC ...
<ĐƠN VỊ>**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

, ngày tháng năm

Kính gửi: Đại học Thái Nguyên

1. Báo cáo về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên (trong năm trước năm tổ chức Giải thưởng và trong năm tổ chức Giải thưởng)

1.1. Đánh giá tình hình xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên. Cụ thể:

a) Việc xác định danh mục đề tài; giao đề tài; triển khai thực hiện đề tài và tổ chức đánh giá đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên.

b) Kế hoạch và nội dung tổ chức hội nghị, hội thảo về nghiên cứu khoa học của sinh viên; Thành tích tham gia các giải thưởng khoa học và công nghệ của sinh viên;

c) Tình hình triển khai ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào thực tiễn của sinh viên.

d) Thống kê về công bố các kết quả nghiên cứu khoa học của sinh viên.

1.2. Công tác quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên, cụ thể:

a) Công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện và đảm bảo các nguồn lực cho hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên theo kế hoạch khoa học và công nghệ của trường đại học.

b) Việc ban hành văn bản hướng dẫn hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên và tổ chức triển khai thực hiện tại trường; Quy định mức chi cho hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên trong quy chế chi tiêu nội bộ của trường đại học.

c) Quy định số giờ nghiên cứu khoa học cho người hướng dẫn một đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên.

d) Quy định các hình thức khen thưởng đối với cán bộ, giảng viên, sinh viên có thành tích xuất sắc trong hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên; các hình thức xử lý đối với cán bộ, giảng viên, sinh viên vi phạm các quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên.

1.3. Kinh phí dành cho hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên (báo cáo cụ thể về kinh phí dành cho hội nghị, hội thảo; mức chi hỗ trợ cho 01 đề tài của sinh viên; mức thưởng đối với các đề tài đạt giải cấp trường; ghi rõ nguồn kinh phí).

Thống kê số liệu theo Bảng 1- Thống kê về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên trong năm trước năm tổ chức Giải thưởng và trong năm tổ chức Giải thưởng.

2. Danh mục đề tài gửi tham gia xét Giải thưởng “Tài năng khoa học trẻ Việt Nam” dành cho sinh viên

Số lượng đề tài gửi tham gia xét Giải thưởng “Tài năng khoa học trẻ Việt Nam” năm... (theo quy định của Đại học Thái Nguyên):

Lập danh mục theo Bảng 2. Danh mục đề tài gửi tham gia xét Giải thưởng “Tài năng khoa học trẻ Việt Nam” dành cho sinh viên.

Thủ trưởng đơn vị
(ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên,
- Lưu...

Ghi chú:

- Dùng thống nhất phông chữ Times New Roman, bảng 1 và bảng 2 yêu cầu sử dụng chương trình Microsoft Excel (*trong bảng 2, mỗi đề tài đánh máy trong một dòng Excel để thuận tiện cho công tác quản lý*).
- Gửi bản điện tử công văn của đơn vị về địa chỉ: banqlkh.dhtn@moet.edu.vn
- Cột 4-Bảng 2: Nếu đề tài do từ hai sinh viên trở lên thực hiện, cần ghi rõ họ tên sinh viên chịu trách nhiệm chính thực hiện đề tài (*viết đầu tiên và in đậm*).
- Cột 12-Bảng 2 (*): Cần gửi đầy đủ minh chứng nếu có (*gửi kèm theo công văn, không đóng góp vào báo cáo tổng kết đề tài*).

Bảng 1: Thống kê về hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) của sinh viên (SV) trong năm trước năm tổ chức Giải thưởng và trong năm tổ chức Giải thưởng

Thời gian	Số lượng SV tham gia thực hiện đề tài NCKH	Tổng số SV đại học hệ chính quy	Tổng số đề tài NCKH của SV	Số lượng đề tài NCKH của SV tham gia xét giải thưởng cấp trường	Số lượng đề tài NCKH của SV đạt giải cấp trường				Số giảng viên tham gia hướng dẫn SV thực hiện đề tài NCKH	Tổng số giảng viên	Công bố khoa học của SV trên các tạp chí chuyên ngành		Tổng kinh phí dành cho hoạt động NCKH của SV (triệu đồng)	
					Nhất	Nhì	Ba	Khuyến khích			Trong nước	Ngoài nước	Từ kinh phí sự nghiệp KHCN	Từ các nguồn khác (ghi cụ thể)
Năm trước năm tổ chức Giải thưởng														
Năm tổ chức Giải thưởng														

Bảng 2: Danh mục đề tài gửi tham gia xét Giải thưởng “Tài năng khoa học trẻ Việt Nam” dành cho sinh viên

Số TT	Nhóm ngành (xác định chính xác nhóm ngành để xét giải)	Tên đề tài	Họ và tên sinh viên tham gia thực hiện đề tài (không quá 5 người)	Giới tính	Dân tộc	Năm thứ / Số năm đào tạo	Ngành học	Điện thoại, email của sinh viên chịu trách nhiệm chính	Người hướng dẫn (ghi đầy đủ chức danh khoa học, học vị)	Công bố khoa học của sinh viên từ kết quả nghiên cứu của đề tài (ghi rõ họ tên tác giả, nhan đề và các yếu tố về xuất bản nếu có) hoặc nhận xét, đánh giá của cơ sở đã áp dụng các kết quả nghiên cứu (nếu có) (*)	Cán bộ phụ trách hoạt động NCKH của sinh viên (ghi rõ họ tên, bộ phận công tác, email, số điện thoại di động)
(1)	(2)	(3)	(4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1											
2											
...											

Mẫu 7. Phiếu đánh giá đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
<ĐƠN VỊ>

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ
ĐỀ TÀI THAM GIA XÉT GIẢI THƯỞNG “TÀI NĂNG KHOA HỌC TRẺ
VIỆT NAM” NĂM ... DÀNH CHO SINH VIÊN

1. Họ tên thành viên hội đồng:
2. Quyết định thành lập hội đồng (số, ngày, tháng, năm):
3. Tên đề tài, mã số:
4. Đánh giá của thành viên hội đồng:

TT	Nội dung đánh giá	Điểm tối đa	Điểm đánh giá
1	Tổng quan tình hình nghiên cứu, lý do lựa chọn đề tài	10	
2	Mục tiêu đề tài	15	
3	Phương pháp nghiên cứu	15	
4	Nội dung khoa học	35	
5	Đóng góp về mặt kinh tế - xã hội, giáo dục và đào tạo, an ninh, quốc phòng	15	
6	Hình thức trình bày báo cáo tổng kết đề tài	5	
7	Điểm thưởng (có công bố khoa học từ kết quả nghiên cứu của đề tài trên các tạp chí chuyên ngành trong và ngoài nước)	5	
	Cộng	100	

Ghi chú:

a) Xếp giải (theo điểm trung bình cuối cùng): đề tài được xem xét xếp giải nhất, giải nhì: từ 90 điểm trở lên; giải ba: từ 80 điểm đến dưới 90 điểm; giải khuyến khích: từ 70 điểm đến dưới 80 điểm; không đạt giải: dưới 70 điểm.

b) Trường hợp điểm của các thành viên Hội đồng chênh lệch > 15 điểm so với điểm trung bình ban đầu coi là điểm không hợp lệ và không được tính vào tổng số điểm hợp lệ.

5. Ý kiến và kiến nghị khác:

Ngày tháng năm
(ký tên)